

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST

Ngày 26 - 02 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán xe

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liêng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 56/2023/TLST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-KDTM ngày 31/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ: T đất số 1192, tờ bản đồ số 52, tổ H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị Ý, sinh năm 2001; địa chỉ: Tầng C, số F Đ, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023). Có mặt.

2/ Ông Thái Vương T, sinh năm 2000; địa chỉ: Tầng C, số F Đ, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1; địa chỉ: Số I, đường D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

Bà Tô Thị T1, sinh năm 1998; địa chỉ: Số E, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Hoặc bà Phạm Thị Hải D, sinh năm 1982; địa chỉ: Xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/10/2023).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1; địa chỉ: T đất số 110, tờ bản đồ số 59, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Yue X, sinh năm 1985; địa chỉ: T đất số 110, tờ bản đồ số 59, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Ông Yu Jian P, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2023, quá trình giải quyết vụ án người đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn M trình bày:*

Vào ngày 03/02/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn M (sau đây gọi là Công ty M) do bà Trương Thị Thúy L làm người đại diện có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa số HD20230203 với Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 (sau đây gọi là Công ty X1) do bà Nhĩn A K làm người đại diện. Theo nội dung hợp đồng số HD20230203, Công ty M đồng ý bán và Công ty X1 01 (một) xe nâng hàng hiệu LONKING với thông số kỹ thuật như sau: Tải trọng nâng tối đa: 3000 kg, chiều cao nâng: 3000 mm, động cơ: XC490, nhiên liệu: Dầu Diesel, công suất: 40 kW, loại lốp: Lốp đặc, nĩa nâng: 1220 mm, thiết bị mới 100%, năm sản xuất 2022, bộ D1 sửa chữa theo tiêu chuẩn. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng số HD20230203, tổng giá trị hợp đồng là 253.000.000 (hai trăm năm mươi ba triệu) đồng với phương thức thanh toán được chia làm 2 đợt, cụ thể: Đợt 1: Công ty X1 thanh toán 50% tổng giá trị hợp đồng sau khi ký kết hợp đồng. Đợt 2: Công ty X1 thanh toán 50% tổng giá trị còn lại sau khi bàn giao xe. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận khi đến hạn thanh toán mà Bên mua không thanh toán cho Bên bán thì Bên bán có quyền kéo xe về kho Bên bán. Bên bán không hoàn trả lại số tiền mà bên mua đã thanh toán trước đó, đồng thời bên mua chịu phạt 5% tổng giá trị hợp đồng và chịu tất cả các chi phí phát sinh. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty M đã thực hiện đúng cam kết, giao hàng đúng thời hạn, địa điểm, đúng số lượng, chủng loại, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Tuy nhiên, từ thời điểm Công ty M hoàn thành nghĩa vụ giao hàng cho đến nay, Công ty X1 chỉ thanh toán số tiền 53.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng chưa thanh toán. Công ty M đã nhiều lần yêu cầu Công ty X1 thanh toán số tiền còn nợ, nhưng Công ty X1 không trả nợ. Việc Công ty X1 không trả nợ đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty M. Do Công ty X1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 200.000.000 đồng nên

Công ty X1 có nghĩa vụ trả lãi chậm trả đối với số tiền 200.000.000 đồng còn nợ. Hai bên không có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả nên căn cứ theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, yêu cầu Công ty X1 phải chịu mức lãi suất là 10%/năm. Thời gian chậm trả tính từ ngày 03/2/2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Thời gian chậm trả tạm tính từ ngày 03/2/2023 đến ngày 26/02/2024 là 389 ngày với số tiền là:  $[(10\% \times 200.000.000 \text{ đồng}) : 365 \text{ ngày}] \times 389 \text{ ngày} = 21.315.068 \text{ đồng}$ . Ngoài ra, Công ty X1 phải trả tiền phạt vi phạm do vi phạm nghĩa vụ thanh toán với mức phạt vi phạm là 5% trên tổng giá trị hợp đồng, số tiền phạt vi phạm là:  $253.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.650.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, Công ty X1 phải trả cho Công ty M những khoản tiền sau đây:

- + Tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng;
- + Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 03/02/2023 đến ngày 26/02/2024 là 21.315.068 đồng;
- + Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 12.650.000 đồng;

Tổng số tiền mà Công ty X1 phải thanh toán cho Công ty M là 233.965.068 đồng.

Đối với khoản tiền 30.000.000 đồng mà bị đơn cho rằng đã nhờ công ty M1 trả là không đúng vì đó là khoản tiền mà Công ty M1 trả cho Công ty M, không liên quan gì đến khoản nợ trên.

*- Tại bản tự khai ngày 21/11/2023 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 trình bày:*

Thống nhất sau khi bàn bạc, thỏa thuận Công ty M và Công ty X1 ký kết Hợp đồng kinh tế số HD 20230203 mua bán một xe nâng hàng hiệu Lonking giá 253.000.000 đồng, việc thanh toán chia thành 02 đợt. Tại thời điểm ký kết hợp đồng kinh tế Công ty X1 đã thanh toán cho Công ty M 53.000.000 đồng. Sau đó, vào ngày 17/02/2023 Công ty X1 thanh toán tiếp số tiền 30.000.000 đồng bằng hình thức nhờ Công ty M1 thanh toán. Tổng số tiền Công ty X1 đã thanh toán là 83.000.000 đồng. Số tiền Công ty X1 còn nợ là 170.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu của Công ty M yêu cầu Công ty X1 chỉ đồng ý thanh toán khoản nợ là 170.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi, bị đơn đồng ý thanh toán lãi như sau:

- + Từ ngày 03/02/2023 đến ngày 17/02/2023 là  $10\% \times 200.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 767.123 \text{ đồng}$ ;
- + Từ ngày 17/02/2023 đến ngày 26/02/2024 là  $10\% \times 170.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} \times 270 \text{ ngày} = 17.419.178 \text{ đồng}$ .

Đồng ý khoản tiền phạt vi phạm là 12.650.000 đồng.

*- Tại biên bản lời khai ngày 21/11/2023 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 là ông Yue XueGang trình bày:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 (sau đây gọi tắt là Công ty M1) không ký kết bất kỳ hợp đồng mua bán, thuê xe nâng với Công ty M, cũng không quen biết ai ở Công ty này. Công ty có ký hợp đồng mua bán một xe nâng theo hợp đồng kinh tế tháng 02/2023 với Công ty X1 nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngày 17/02/2023 sau khi được Công ty X1 nhờ trả nợ giùm thì Công ty M1 đã thanh toán cho Công ty M 30.000.000 đồng, ông Y XueGang là người giao số tiền này tại Công ty M1, việc giao nhận có viết phiếu thu, người viết phiếu thu là người của Công ty M, nội dung phiếu thu: “Đã nhận số tiền đặt cọc xe nâng 30.000.000 đồng của Công ty M1”, khi ký giấy ông không để ý nội dung này. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty M1 không có ý kiến gì.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023, ông Yu Jian P trình bày:*

Ngày 17/02/2023, ông Yu Jian P có ghi phiếu thu để nhận tiền đặt cọc 30.000.000 đồng của Công ty M1, khoản tiền này là tiền Công ty M1 thuê xe nâng của Công ty M. Giữa Công ty M1 và Công ty M có thiết lập quan hệ làm ăn với nhau thông qua tin nhắn wechat, chứ không ký hợp đồng kinh tế.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 thanh toán khoản nợ gốc và lãi về việc mua bán xe là xe nâng hiệu Lonking. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “tranh chấp hợp đồng mua bán xe”. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 có địa chỉ trụ sở tại số S, đường D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty trách nhiệm hữu hạn M1, ông Yu Jian P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp đoạn tin nhắn thể hiện nội dung nhắn tin bằng wechat giữa nguyên đơn và bị đơn, theo trình bày của nguyên đơn

nội dung tin nhắn về việc nguyên đơn có bán cho công ty M1 01 xe nâng thông qua bị đơn vào ngày 17/02/2023 và số tiền 30.000.000 đồng, đây cũng là khoản tiền mà Công ty M1 trả cho nguyên đơn, không liên quan gì đến xe nâng trong hợp đồng kinh tế ngày 03/02/2023. Xét thấy, nội dung tin nhắn là hình ảnh chụp từ điện thoại, bằng tiếng Hoa đã được nguyên đơn dịch thuật ra tiếng Việt, nhưng không thể hiện thông tin của người nhắn mà chỉ có tên J -2023. Quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu thể hiện việc mua bán xe giữa nguyên đơn và Công ty M1 nhưng nguyên đơn không cung cấp, đối với tin nhắn mà nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa Hội đồng xét xử không xem xét là chứng cứ trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thống nhất vào ngày 03/02/2023 nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng kinh tế số HD20230203 về việc mua bán 01 (một) xe nâng hàng hiệu Lonking, tổng giá trị hợp đồng 253.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao xe nâng cho bị đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết. Bị đơn đã nhận xe nâng của nguyên đơn, đồng thời ngày 03/02/2023 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 53.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận đã nhận số tiền trên. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền 200.000.000 đồng:

Nguyên đơn cho rằng sau khi thanh toán được 53.000.000 đồng vào ngày 03/02/2023, thì bị đơn không thanh toán nữa mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở. Bị đơn xác định vào ngày 17/02/2023, bị đơn đã nhờ Công ty M1 trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng thể hiện tại Phiếu thu ngày 17/02/2023 nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Nguyên đơn xác định số tiền 30.000.000 đồng ngày 17/02/2023 là khoản tiền cọc xe nâng mà Công ty M1 thỏa thuận mua xe của nguyên đơn nhưng do 02 bên không đạt được sự thỏa thuận nên khoản tiền đó là tiền thuê xe trong 02 tháng. Giữa nguyên đơn và Công ty M1 có thỏa thuận về mua bán xe nâng nhưng không ký hợp đồng mà chỉ bằng tin nhắn wechat. Công ty M1 thừa nhận có nhận số tiền 30.000.000 đồng của bị đơn và đã giao lại cho nguyên đơn thể hiện bằng phiếu thu ngày 17/02/2023, giữa Công ty M1 và nguyên đơn không thỏa thuận việc mua bán xe với nhau. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện việc giữa nguyên đơn và Công ty M1 có thiết lập quan hệ mua bán, thuê xe nhưng nguyên đơn không cung cấp đồng thời không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, căn cứ vào phiếu thu ngày 17/02/2023 đã được Công ty TNHH D2 dịch thể hiện “*Nhận tiền đặt cọc xe nâng của Công ty M1, người nhận tiền: YU JIAN PENG*”, do đó không có căn cứ để chấp nhận việc bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ 200.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 50, 55 Luật thương mại. (1)

[2.3] Về lãi chậm thanh toán: Ngày 03/02/2023, nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế số HD20230203, cùng ngày bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 53.000.000 đồng và còn nợ 200.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng kinh tế quy định “*bên mua thanh toán 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng; bên mua thanh toán 50% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao xe; giá trị thanh toán được căn cứ theo số lượng hàng được hai bên xác nhận trong biên bản giao nhận thực tế và giá trị ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng*”. Ngày 18/01/2023, hai bên đã bàn giao xe trước khi ký hợp đồng và từ ngày 03/02/2023 cho đến thời điểm khởi kiện, bị đơn không thanh toán thêm bất cứ số tiền nào nữa, do đó xác định kể từ ngày 03/02/2023 là bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 03/02/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 26/02/2023, là có căn cứ. Tại hợp đồng kinh tế số HD20230203 ngày 03/02/2023 các bên không thỏa thuận về lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, theo Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Mức lãi suất chậm thanh toán được tính theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo thông báo lãi suất cho vay số 60/NHNo.ST-KVKH ngày 22/02/2023 của Ngân hàng N là 9%; thông báo lãi suất cho vay số 40/NBD-KT ngày 11/01/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 là 9%/năm, thông báo lãi suất cho vay số 41/CV-CNKCND-TH ngày 11/01/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần C là 12,5%/năm thì lãi suất nợ quá hạn trung bình là:  $(9\%/năm + 9\%/năm + 12,5\%/năm) : 3 \times 150\% = 15,25\%/năm$ . Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền hàng chưa thanh toán, mức lãi suất yêu cầu là 10%/năm trên số tiền 200.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tổng số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 03/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/02/2024 là 389 ngày =  $(10\% \times 200.000.000 \text{ đồng}) : 365 \times 389 \text{ ngày} = 21.315.068 \text{ đồng}$ . (2)

[2.4] Về phạt vi phạm hợp đồng: Tại khoản 4.2 Điều 4 hợp đồng kinh tế số HD20230203 ngày 03/02/2023 quy định: “*Đến thời hạn thanh toán, Bên mua không thanh toán cho bên bán, thì Bên bán có quyền kéo xe về kho Bên bán. Bên bán không hoàn trả lại số tiền mà Bên mua đã thanh toán trước đó, đồng thời Bên mua chịu phạt 5% tổng giá trị hợp đồng và chịu tất cả các chi phí phát sinh*”. Như vậy, bị đơn không thanh toán đủ số tiền hàng cho nguyên đơn, đã vi phạm nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng kinh tế số HD20230203, vì vậy phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu phạt vi phạm 5% trên tổng giá trị hợp đồng là 253.000.000 đồng thành tiền là 12.650.000 đồng, tại phiên tòa bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. (3)

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền hàng 200.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 21.315.068 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 12.650.000 đồng. Tổng cộng: (1) + (2) + (3) = 233.965.068 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty X1 phải chịu án phí trên số tiền trả cho Công ty M theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 91, 96, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 về tranh chấp hợp đồng mua bán xe.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M tổng số tiền là 233.965.068 (hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán: 21.315.068 (hai mươi một triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng;
- Tiền phạt vi phạm: 12.650.000 (mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 chịu 11.698.253 đồng (mười một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn hai trăm năm mươi ba) đồng. Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M 5.617.620

(năm triệu sáu trăm mười bảy nghìn sáu trăm hai mươi) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006829 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (04);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Liêng**



